

Số: 277/TB-UBND

Tân Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước
năm 2026 xã Tân Minh

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tân Minh về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 xã Tân Minh;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 178/TTr-KT ngày 26 tháng 12 năm 2025.

Ủy ban nhân dân xã Tân Minh thông báo công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 xã Tân Minh như sau:

- Số liệu dự toán công khai: Theo Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025.

- Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tân Minh và trên Cổng thông tin điện tử của xã Tân Minh theo địa chỉ: <https://tanminh.haiphong.gov.vn/du-toan-cong-khai-ngan-sach>.

- Thời gian công khai: Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tân Minh 30 ngày (từ ngày 26/12/2025 đến ngày 25/01/2026) và lưu trữ vĩnh viễn trên Cổng thông tin điện tử của xã Tân Minh.

Ủy ban nhân dân xã Tân Minh thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- VP UBND TP;
- Sở Tài chính;
- TTĐU, TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị, trường học;
- Lưu VT, KT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đình Văn Nhanh

Số: 1628/QĐ-UBND

Tân Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước
năm 2026 xã Tân Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân Minh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã năm 2026;
Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 178/TTr-KT ngày 26 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của xã Tân Minh (Theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- VP UBND TP;
- Sở Tài chính;
- TTĐU, TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đinh Văn Nhanh

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026*(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)*

Đơn vị: nghìn đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	257.974.000	TỔNG SỐ CHI	257.974.000
I. Các khoản thu NSX được hưởng	3.878.000	I. Chi đầu tư phát triển	60.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	15.290.000	II. Chi thường xuyên	252.856.000
III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	238.806.000	III. Dự phòng	5.058.000
- Bổ sung cân đối	238.806.000	IV. Thực hiện tạo nguồn CCTL	
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

Tỉnh, thành phố: Hải Phòng

Xã: Tân Minh

Biểu số 104/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	171.031.000	170.513.000	272.636.000	257.974.000	159,4	151,3
I	Thu Ngân sách xã được hưởng	2.960.000	2.442.000	33.830.000	19.168.000	1.142,9	784,9
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	350.000		18.500.000	9.990.000	5.285,7	
5	Thuế thu nhập cá nhân	168.000					
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	400.000	400.000	9.000.000	4.800.000	2.250,0	1.200,0
8	Thu phí, lệ phí	153.000	153.000	600.000	600.000	392,2	392,2
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	579.000	579.000	1.140.000	1.140.000	196,9	196,9
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			2.600.000	1.040.000		

Đơn vị: nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
12	Thu tiền sử dụng đất			300.000	60.000		
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách			190.000	38.000		
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.310.000	1.310.000	1.500.000	1.500.000	114,5	114,5
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)						
III	Thu chuyển nguồn						
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	168.071.000	168.071.000	238.806.000	238.806.000	142,1	142,1
1	Thu bổ sung cân đối	163.697.000	163.697.000	238.806.000	238.806.000	145,9	145,9
2	Thu bổ sung có mục tiêu	4.374.000	4.374.000				

Tỉnh, thành phố: Hải Phòng

Xã: Tân Minh

Biểu số 106/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: nghìn đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		31.774.000				31.774.261		31.774.261
1. Công trình chuyển tiếp								
Trong đó: hoàn thành trong năm								
-								
-								
2. Công trình khởi công mới		31.774.000				31.774.261		31.774.261
- Xây dựng cầu chắn nuôi qua kênh Đông Khê	2026	5.024.000				4.950.000		4.950.000
- Xây dựng cầu Trắng (Đông Rừng)	2026	6.352.000				6.300.000		6.300.000
- Nâng cấp, cải tạo NTLS Bạch Đằng	2026	4.000.000				3.900.000		3.900.000
- Nâng cấp, cải tạo đường PCLB từ cầu Trạm Y tế Cấp Tiên đi cống Kinh Lương 1	2026	9.914.000				9.850.000		9.850.000
- Nâng cấp cải tạo tuyến đường từ cống ông Thịnh đến Miếu Đông thôn Bắc Phong	2026	1.725.000				1.700.000		1.700.000
- Nâng cấp, cải tạo đường thôn Phú Xuân	2026	1.789.000				1.700.000		1.700.000

Đơn vị: nghìn đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
- Nâng cấp, cải tạo đường từ chùa An Thạch đi bãi 6	2026	2.970.000				2.900.000		2.900.000	
- Vốn chuẩn bị đầu tư các dự án năm 2027	2027					474.261		474.261	
Trong đó: hoàn thành trong năm									
-									
-									

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: nghìn đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	257.974.000	TỔNG SỐ CHI	257.974.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	3.878.000	I. Chi đầu tư phát triển	60.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	15.290.000	II. Chi thường xuyên	252.856.000
III. Thu bổ sung	238.806.000	III. Dự phòng	5.058.000
- Bổ sung cân đối	238.806.000	IV. Thực hiện tạo nguồn CCTL	
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	272.636.000	257.974.000
I	Thu Ngân sách xã được hưởng	33.830.000	19.168.000
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	18.500.000	9.990.000
5	Thuế thu nhập cá nhân		
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	9.000.000	4.800.000
8	Thu phí, lệ phí	600.000	600.000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.140.000	1.140.000
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.600.000	1.040.000
12	Thu tiền sử dụng đất	300.000	60.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	190.000	38.000
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.500.000	1.500.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		
III	Thu chuyển nguồn		
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	238.806.000	238.806.000
1	Thu bổ sung cân đối	238.806.000	238.806.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	4	5	6
	TỔNG CHI	257.974.000	60.000	257.914.000
	Trong đó			
1	Chi dân quân tự vệ, an ninh trật tự	7.466.000		7.466.000
2	Chi sự nghiệp giáo dục	126.287.000		126.287.000
3	Chi khoa học và công nghệ	390.000		390.000
4	Chi sự nghiệp y tế	5.233.000		5.233.000
5	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	7.517.000		7.517.000
6	Chi sự nghiệp phát thanh	320.000		320.000
7	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	375.000		375.000
8	Chi sự nghiệp môi trường	1.208.000		1.208.000
9	Chi sự nghiệp kinh tế	16.761.000		16.761.000
10	Chi QL Nhà nước, Đảng, đoàn thể	35.573.000		35.573.000
11	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	50.468.000		50.468.000
12	Chi khác	1.258.000		1.258.000
13	Dự phòng ngân sách	5.058.000		5.058.000

Tỉnh, thành phố: Hải Phòng

Xã: Tân Minh

Biểu số 111/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: nghìn đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		31.774.000				31.774.261		31.774.261	
1. Công trình chuyển tiếp									
Trong đó: hoàn thành trong năm									
-									
-									
2. Công trình khởi công mới		31.774.000				31.774.261		31.774.261	
- Xây dựng cầu chắn nuôi qua kênh Đông Khê	2026	5.024.000				4.950.000		4.950.000	
- Xây dựng cầu Trắng (Đông Rừng)	2026	6.352.000				6.300.000		6.300.000	
- Nâng cấp, cải tạo NTLS Bạch Đằng	2026	4.000.000				3.900.000		3.900.000	
- Nâng cấp, cải tạo đường PCLB từ cầu Trạm Y tế Cấp Tiên đi cống Kinh Lương 1	2026	9.914.000				9.850.000		9.850.000	
- Nâng cấp cải tạo tuyến đường từ cống ông Thịnh đến Miếu Đồng thôn Bắc Phong	2026	1.725.000				1.700.000		1.700.000	
- Nâng cấp, cải tạo đường thôn Phú Xuân	2026	1.789.000				1.700.000		1.700.000	

Đơn vị: nghìn đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
- Nâng cấp, cải tạo đường từ chùa An Thạch đi bãi 6	2026	2.970.000				2.900.000		2.900.000	
- Vốn chuẩn bị đầu tư các dự án năm 2027	2027					474.261		474.261	
Trong đó: hoàn thành trong năm									
-									
-									

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh